

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 108/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Đăng Khoa
Bà Đoàn Thị Bầy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1448/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Huỳnh Nh, sinh ngày: 21/6/1999. Số CC 093199002530. Địa chỉ: ấp Mỹ 1, xã H, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp Mỹ 1, xã Hòa Lự, thành phố V, tỉnh Hậu Giang). (vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thái N, sinh ngày 19/8/1994. Số CCCD 096094005853. Địa chỉ: số 58, đường Kinh Xáng Bạc Liêu, khóm 6, phường T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện các ngày 19/3/2026, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Nh trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thái N kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2024 vào ngày 11/3/2024 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 6 thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn, không còn chung sống vợ chồng từ tháng 11/2025 đến nay. Bà Nh yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 07/5/2025, đang sống cùng bà Nh. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 08/5/2026, ông Nguyễn Thái N trình bày: Ông và bà Nguyễn Huỳnh Nh kết hôn đăng ký kết hôn vào năm 2024 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 6 thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau. Ông bà đã không còn chung sống từ tháng 6/2025. Nay ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 07/5/2025, đang sống cùng bà Nh. Khi ly hôn, ông thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Huỳnh Nh và ông Nguyễn Thái N kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2024 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2024, đúng quy định của pháp luật. Bà Nh yêu cầu ly hôn với ông N. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Nguyễn Huỳnh Nh, có đơn ngày 19/3/2026 yêu cầu xét xử vắng mặt bà. Đối với ông Nguyễn Thái N có đơn ngày 08/5/2026 yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh và ông N theo quy định tại Điều 207 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nh và ông N có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2024 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2024, đúng quy định của pháp luật. Bà Nh yêu cầu ly hôn do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống vợ chồng, ông N thống nhất lời trình bày của bà Nh, vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và thống nhất ly hôn. Xét thấy hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn không ai yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Cả hai không còn chung sống vợ chồng, không ai quan tâm ai, thể hiện mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nh được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung: Bà Nh và ông N thống nhất xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 07/5/2025, đang sống cùng bà Nh. Khi ly hôn, ông bà thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau, thỏa thuận này đảm bảo ổn định môi trường sống cho con chung và không trái pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận này. Các đương sự không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nh và ông N thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào

yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của bà Nh và ông N. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Nh được ly hôn với ông Nguyễn Thái N.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Tuyết B, sinh ngày 07/5/2025 cho bà Nguyễn Huỳnh Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thái N có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Huỳnh Nh phải nộp. Ngày 14/4/2026 bà Nguyễn Huỳnh Nh đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 3 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.Tân Thành, T.Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu